

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 2. Mục đích yêu cầu

1. Thực hiện tốt chức năng tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tổ chức

thu, chi, quản lý và sử dụng các quỹ: bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác; thực hành tiết kiệm chống lãng phí để tạo điều kiện đầu tư phát triển; tăng thu nhập, cải thiện đời sống cán bộ, công chức, viên chức và gắn trách nhiệm với lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động nghiệp vụ.

3. Trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý được giao; thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguồn tài chính

1. Nguồn tài chính do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý bao gồm:

a) Quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm để trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động và các đối tượng khác theo quy định;

b) Quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện;

c) Quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

d) Quỹ bảo hiểm y tế;

đ) Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại Nhà nước. Số dư trên tài khoản tiền gửi được hưởng lãi suất tiền gửi theo quy định của Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại Nhà nước.

Điều 4. Kế hoạch tài chính

1. Hàng năm, cùng thời gian quy định về lập dự toán ngân sách nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập kế hoạch tài chính, bao gồm cả kế hoạch thu, chi của Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua và báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, bao gồm:

- a) Thu, chi bảo hiểm xã hội bắt buộc;
- b) Thu, chi bảo hiểm xã hội tự nguyện;
- c) Thu, chi bảo hiểm thất nghiệp;
- d) Thu, chi bảo hiểm y tế;
- đ) Kế hoạch đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm theo quy định tại Điều 7 Quyết định này;
- e) Chi quản lý bộ máy theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định này;
- g) Chi đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 10 Quyết định này.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch tài chính cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Căn cứ kế hoạch tài chính được Thủ tướng Chính phủ giao, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định giao dự toán thu, chi cho các đơn vị trực thuộc, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Khi nhà nước ban hành chính sách, chế độ làm tăng hoặc giảm số thu, chi so với chỉ tiêu kế hoạch tài chính đã giao cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Quản lý, sử dụng và quyết toán tài chính

1. Quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc, quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn; được hạch toán độc lập và cân đối thu, chi theo từng quỹ.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định số 94/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Các đơn vị được giao dự toán thu, chi từ quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán theo chế độ quy định gửi cơ quan có thẩm quyền để xét duyệt, thẩm định theo trình tự quy định như sau:

a) Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh lập báo cáo quyết toán và gửi đơn vị cấp trên trực thuộc theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

b) Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập báo cáo quyết toán năm và gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

c) Bảo hiểm xã hội Việt Nam xét duyệt, thẩm định quyết toán năm và thông báo kết quả xét duyệt, thẩm định cho các đơn vị trực thuộc, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua, gửi Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

4. Bộ Tài chính thẩm định quyết toán năm và thông báo kết quả thẩm định cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam (phần ngân sách nhà nước bảo đảm để trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động và các đối tượng khác theo quy định); tổng hợp tình hình thu, chi các quỹ bảo hiểm, chi phí quản lý bộ máy và chi đầu tư phát triển của Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Lệ phí chi trả chế độ bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp

1. Mức lệ phí chi trả:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ và các đối tượng khác từ nguồn ngân sách nhà nước được Nhà

nước cấp lệ phí chi trả bằng 0,78% tổng số chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định và tổng hợp số kinh phí này vào quyết toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Lệ phí chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp cho đối tượng do quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc, quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện, quỹ bảo hiểm thất nghiệp đảm bảo bằng 0,78% tổng số chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp theo quy định và được bố trí trong dự toán chi phí quản lý bộ máy của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Sau khi quyết toán năm được duyệt nếu lệ phí chi trả được trích lớn hơn hoặc nhỏ hơn so với số lệ phí bố trí trong dự toán chi phí quản lý bộ máy đã giao cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh trong dự toán chi phí quản lý bộ máy năm sau của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Toàn bộ số kinh phí được trích theo mức lệ phí chi trả quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau:

a) Trích 2% lập quỹ dự phòng rủi ro trong công tác chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp để sử dụng chi bù đắp cho số tiền bị thiếu hụt trong công tác chi trả do nguyên nhân khách quan. Việc quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro này do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định;

b) Phần còn lại được sử dụng để chi cho các nội dung sau đây:

- Chi in ấn biểu mẫu, phiếu lĩnh lương hưu, danh sách đối tượng chi trả;
- Chi lệ phí chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của đối tượng được hưởng mở tại ngân hàng thương mại;
- Chi phí phát hành thẻ ATM cho đối tượng được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng có yêu cầu thanh toán qua thẻ ATM;
- Thuê phương tiện vận chuyển tiền và lực lượng bảo vệ trong quá trình vận chuyển tiền đến các điểm chi trả ở xã, phường, thị trấn; thuê địa điểm chi trả và lực lượng bảo vệ trong những ngày chi trả ở xã, phường, thị trấn;
- Mua sắm kết sắt, máy đếm tiền, bao gói đựng tiền trang bị cho tổ chức, cá nhân làm đại lý chi trả ở xã, phường, thị trấn;
- Chi thù lao cho tổ chức, cá nhân làm đại lý để thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trực tiếp đến đối tượng và quản lý đối tượng được hưởng trên địa bàn;